

1q. phòng QLĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1212/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 6 năm 2014

UBND THỊ XÃ SÔNG CÔNG	
CV	Số: 315
ĐẾN	Ngày: 19/6/2014
	Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn Việt Nam - QCVN 07: 2010/BXD của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2149/QĐ-UBND ngày 17/9/2010 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của UBND thị xã Sông Công tại Tờ trình số 458/TTr-UBND ngày 21/5/2014; của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 571/TTr-SXD ngày 10/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, như sau:

I. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

II. Địa điểm quy hoạch: Phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

III. Các nội dung chính của đồ án quy hoạch:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô, tính chất khu vực quy hoạch:

1.1. Phạm vi ranh giới:

Khu đất lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm phạm vi toàn phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, có ranh giới như sau:

- Phía Bắc : Giáp phường Mỏ Chè (giáp đường Thắng Lợi);
- Phía Nam : Giáp phường Phố Cò (giáp đường Thống Nhất);
- Phía Đông : Giáp phường Cải Đan, phường Bách Quang (giáp đường CMT 8);
- Phía Tây : Giáp xã Vinh Sơn (giáp sông Công).

1.2. Quy mô:

- Diện tích lập điều chỉnh quy hoạch là toàn bộ diện tích theo địa giới hành chính của phường Thắng Lợi với diện tích là 4.300.000m² (430 ha). Trong đó, diện tích các khu vực đã được lập quy hoạch chi tiết là:

- | | |
|---|--------------|
| + Diện tích Khu đô thị Hồng Vũ | : 58,387 ha |
| + Diện tích Khu đô thị Kosy | : 38,782 ha |
| + Diện tích Khu dân cư đoạn đường Thống Nhất | : 19,817 ha |
| - Diện tích phần còn lại chưa có QH chi tiết là | : 313,014 ha |

- Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2020 khoảng 7.800 người (theo tính toán tỷ lệ tăng dân số tự nhiên). Dự kiến các dự án trong khu quy hoạch khi được lấp đầy (tỷ lệ 50% đến 70%), dân số phường Thắng Lợi đến năm 2020 khoảng 15.000 người.

1.3. Tính chất: Phường Thắng Lợi được định hướng là trung tâm chính trị, văn hóa, giáo dục, kinh tế, thương mại và dịch vụ của Thị xã hiện tại và của thành phố Sông Công trong tương lai, có không gian kiến trúc hiện đại hài hòa với cảnh quan khu vực, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật được xây dựng đồng bộ.

2. Cơ cấu quy hoạch:

Khu đất quy hoạch bao gồm các chức năng sau:

- Khu vực xây dựng nhà ở (nhà ở hiện trạng, ở mới);
- Khu vực xây dựng các công trình hành chính, dịch vụ cấp đô thị (thị xã) và cấp phường;
- Khu vực cây xanh thể thao, cây xanh công viên đô thị;
- Khu vực xây dựng các công trình giao thông;
- Khu vực xây dựng các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Các chức năng đô thị khác.

3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch:

- Cập nhật các dự án đã và đang triển khai trong khu quy hoạch;
- Tổ chức lại hệ thống giao thông, bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy chuẩn đảm bảo tính khả thi cao khi thực hiện, khai thác hiệu quả các quỹ đất trong khu quy hoạch;
- Xác định cụ thể chức năng trung tâm của thị xã, các khu vực phát triển đô thị (xác định quỹ đất dành phát triển các khu đô thị mới, dân cư mới và các quy đất dự trữ phát triển khác) làm cơ sở để xây dựng chương trình phát triển đô thị và kế hoạch triển khai các khu vực phát triển đô thị;
- Tổ chức lại không gian các khu chức năng đô thị (công cộng, dịch vụ, trường học, y tế) để đảm bảo sự kết nối đồng bộ về giao thông và khả năng phục vụ cho cộng đồng;
- Bố trí tăng quỹ đất công viên cây xanh, từng bước cải thiện các chỉ tiêu về công viên cây xanh trong tương lai;
- Xây dựng quy chế quản lý theo đồ án quy hoạch với những nội dung kiểm soát chặt chẽ về sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật, phát triển cân bằng giữa tương lai và hiện tại.

4. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

4.1. Nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Đảm bảo tính định hướng phát triển không gian theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Sông Công đến 2020.
- Đảm bảo tính kết nối giữa khu trung tâm của phường với vai trò là trung tâm Thị xã với các khu chức năng của thị xã và với các khu chức năng của phường.
- Tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, tổ chức các không gian phù hợp theo tính chất của phường, tạo tính đặc trưng cho khu vực quy hoạch.

4.2. Bố cục không gian kiến trúc cảnh quan:

a. Bố cục không gian toàn khu: Toàn khu quy hoạch được bố cục theo hướng không gian mở tập trung trên cơ sở các trục không gian chính đô thị và các khu chức năng chính của khu vực đã được xác định trong quy hoạch chung và các khu chức năng vệ tinh (chức năng theo các đơn vị ở) theo phương án quy hoạch đề xuất.

b. Bố cục không gian các khu chức năng:

- Khu ở:
 - + Khu ở cũ hiện trạng: Nâng cấp, cải tạo không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp với điều kiện hiện trạng cũng như các khu vực lân cận.
 - + Khu ở mới: Bố trí đan xen với các khu ở cũ, khai thác các quỹ đất trống, các quỹ đất chưa sử dụng hiệu quả. Tổ chức cảnh quan hiện đại, hài hòa với cảnh quan chung của khu vực.
- Khu công trình công cộng:

+ Tổ chức các khu trung tâm dọc theo tuyến đường Đông Tây và tại khu vực ngã tư giao nhau của đường chính Đông Tây với đường nối CMT10-Trung đoàn 209 bao gồm các chức năng về văn hóa, chính trị, dịch vụ, thương mại... Các công trình xây dựng phục vụ trực tiếp cho sinh hoạt hàng ngày của đô thị.

+ Các khu trung tâm của đơn vị ở được tổ chức theo cụm dạng lõi của các đơn vị ở, đảm bảo bán kính phục vụ theo quy định, phục vụ sinh hoạt hàng ngày của người dân trong khu vực.

c. Tổ chức các trục không gian: Tổ chức giao 03 trục không gian chính của phường (1 trục ngang, 2 trục dọc) tạo thành điểm nhấn trung tâm của phường với các chức năng về hành chính, công cộng và dịch vụ thương mại, các công trình có tầng cao lớn tạo thành điểm nhấn thị giác cho khu vực trung tâm của phường.

d. Các điểm nhấn không gian khác:

- Đối với đơn vị ở số 1: Không gian kiến trúc cảnh quan phát triển bám theo trục chính Đông Tây về 02 hướng Bắc và Nam.

- Đối với đơn vị ở số 2: Phân định thành 02 khu vực (phía Bắc và phía Nam đường trục Đông Tây) phát triển theo dạng hạt nhân với khu vực lõi bao gồm các công trình công cộng, dịch vụ, hạ tầng xã hội, công viên cây xanh được kết nối với các khu chức năng khác bởi hệ thống đường phân khu.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

5.1. Quy mô đất đai: 4.300.000m² (430 ha)

5.2. Cơ cấu sử dụng đất: Bảng cân bằng đất đai sau điều chỉnh:

Stt	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	CQ	Đất trụ sở cơ quan hành chính	57.398	1,34
II		Đất công cộng + Dịch vụ	434.460	10,10
1	GD	Đất giáo dục	205.832	
2	DYT	Đất y tế	12.662	
3	CC	Đất công cộng	136.634	
4	TM	Đất thương mại dịch vụ	68.853	
5	TG	Đất tôn giáo	10.479	
III		Đất ở	1.958.255	45,54
1	OH	Đất ở hiện có, cải tạo	1.001.618	
2	OM	Đất ở mới	870.339	
3	OXH	Đất ở xã hội	86.298	
IV	PT	Đất phát triển đô thị	217.530	5,06
V	CX	Đất công viên TDTT, mặt nước	806.732	18,76
		Cây xanh công viên, TDTT	226.846	
		CX ven sông, mặt nước sông Công	579.886	
VI	HT	Đất hạ tầng kỹ thuật	51.948	1,21
VII		Đất giao thông, bãi đỗ xe	773.677	17,99
	P	Bãi đỗ xe tập trung	19.393	
	GT	Đất giao thông	754.284	
		Tổng diện tích quy hoạch	4.300.000	100,0

5.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất:

a. Mật độ xây dựng:

- Các công trình công cộng, dịch vụ : 30 - 40 %
- Nhà ở chia lô chia lô liền kề : ≤ 80 %
- Nhà ở biệt thự, nhà vườn : ≤ 60 %
- Nhà ở chung cư thấp tầng : 30 - 40 %

b. Tầng cao trung bình:

- Các công trình công cộng phục vụ khu ở : 2,0 - 5,0 tầng
- Nhà ở chia lô liền kề : 2,0 - 5,0 tầng
- Nhà ở biệt thự, nhà vườn : 2,0 - 3,0 tầng
- Nhà ở chung cư thấp tầng : 4,0 - 5,0 tầng
- Công trình công cộng dự trữ : 5,0 - 10 tầng
- Công trình dịch vụ thương mại : 10 - 15 tầng

c. Hệ số sử dụng đất:

Hệ số sử dụng đất chung của toàn khu: : 1,5 - 2,5 lần

d. Khoảng lùi xây dựng công trình:

- Nhà ở chia lô liền kề : $\geq 2,0$ m
- Nhà ở biệt thự, nhà vườn : $\geq 3,0$ m
- Công trình công cộng, dịch vụ, thương mại : $\geq 6,0$ m

6. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường Thăng Lợi (mặt cắt A-A) lộ giới 35m, trong đó lòng đường rộng 14,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 10,5m, bán kính bó vỉa $R=15$ m.

- Tuyến đường Thống Nhất và tuyến đường QH nối giữa Trung đoàn Quân đội 209 và đường CM Tháng 10 (mặt cắt B-B) lộ giới 29m, trong đó lòng đường rộng 14m, vỉa hè mỗi bên rộng 7,5m, bán kính bó vỉa $R=15$ m.

- Tuyến đường CM Tháng 8 (mặt cắt C-C) lộ giới 25,5m, trong đó lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 7,5m, bán kính bó vỉa $R=15$ m.

- Tuyến đường ven sông (mặt cắt D-D) lộ giới 20,0m, trong đó lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,75m, bán kính bó vỉa $R=12$ m.

b. Giao thông đối nội:

- Đường khu vực:

+ Mặt cắt 1A-1A (trục đường Đông Tây, đoạn 1 từ đường 30-4 đến đường ven sông): Lộ giới đường 36m, giải phân cách ở giữa rộng 3m, lòng đường rộng 10,5m \times 2, vỉa hè mỗi bên rộng 6,0m, bán kính bó vỉa $R=15$ m.

+ Mặt cắt 1B-1B (trục đường Đông Tây, đoạn 2 từ đường CMT8 đến đường 30-4): Lộ giới đường 31m, giải phân cách ở giữa rộng 3m, lòng đường rộng 9,0m \times 2, vỉa hè mỗi bên rộng 5,0m, Bán kính bó vỉa $R=15$ m.

+ Mặt cắt 2A-2A: Lộ giới đường 20m, lòng đường rộng 8,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 6,0m, bán kính bó vỉa $R=12$ m.

+ Mặt cắt 2B-2B (đường 30-4): Lộ giới đường 20m, lòng đường rộng 6,0mx2, giải phân cách ở giữa rộng 1,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,5m, bán kính bó vỉa R=12 m.

+ Mặt cắt 2C-2C: Lộ giới đường 21m, lòng đường rộng 6,0mx2, giải phân cách ở giữa rộng 2,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,5m, bán kính bó vỉa R=12m.

- Đường phân khu vực:

+ Mặt cắt 3-3: Lộ giới đường 16,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m, bán kính bó vỉa R=8 m.

- Đường liên kết nội bộ:

+ Mặt cắt 4-4 (đường ven kênh thoát nước): Tổng lộ giới $\geq 36,0\text{m}$, đường mỗi bên kênh có lộ giới 12,0m, lòng đường rộng 6,0m, vỉa hè mỗi bên 3,0m, bán kính bó vỉa R=8 m, phần lòng kênh và kè rộng $\geq 12\text{m}$,

+ Mặt cắt 5A-5A (đường qua dự án, khu dân cư hiện trạng): Lộ giới 14,0m, lòng đường rộng 6,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,0m, bán kính bó vỉa R=8m.

+ Mặt cắt 5B-5B (đường qua dự án, khu dân cư hiện trạng): Lộ giới 13,5m, lòng đường rộng 6,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,75m, bán kính bó vỉa R=8m.

Các tuyến đường được thiết kế với độ dốc ngang mặt đường: $i_n=2\%$, độ dốc ngang vỉa hè: $i_h=2\%$.

c. Kết cấu nền, mặt đường, vỉa hè:

- Nền đường: Nền đường được đắp bằng đất đồi, đầm nén độ chặt $K=0,95$. Lớp trên cùng mặt đường rải thảm bê tông atfan hạt mịn dày 5cm.

- Hè đường: Trồng cây xanh cách đều 10m - 15m/cây. Phần lát hè dùng gạch Block tự chèn đệm cát vàng. Phía ngoài xây viền bảo vệ bằng gạch.

d. Bãi đỗ xe: Toàn phường tổ chức 06 bãi đỗ xe cấp đô thị và cấp đơn vị ở với tổng diện tích 19.394m^2 .

6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a. Quy hoạch san nền:

- Nguyên tắc thiết kế:

+ Hạn chế việc làm thay đổi nền địa hình tự nhiên, hướng dốc chính địa hình, và các hướng tiêu thoát nước hiện có. Đảm bảo độ dốc nền công trình thoát nước tự chảy, thoát nước mưa thuận tiện và không bị ngập úng.

+ Giữ nguyên cao độ hiện trạng tại các tuyến giao thông trục chính trong khu vực và tuân thủ quy hoạch chung thị xã Sông Công đã được phê duyệt.

- Giải pháp san nền: Chỉ san lấp trên những khu đất quy hoạch xây dựng mới, các khu vực dự án đầu tư xây dựng. Khu vực quy hoạch cây xanh, thể dục thể thao san nấp với mức độ thấp. Độ dốc san nền thiết kế tận dụng tối đa độ dốc sẵn có của địa hình tự nhiên.

- Hướng dốc chính nền địa hình thiết kế, bao gồm 2 hướng chính: Dốc từ Bắc xuống Nam (từ đường Thắng Lợi xuống đường Thống Nhất), dốc từ Đông sang Tây (từ đường CMT8 sang đường ven sông Công).

- Cao độ san nền:

+ Cao độ thấp nhất: Tuyến đường ven sông vừa đóng vai trò giao thông vừa đóng vai trò là đường đê cho toàn khu quy hoạch. Cốt đường thấp nhất đảm bảo lớn hơn cao độ ngập lụt của sông Công, cao độ tối thiểu là +17.00 (điểm cuối đường Thống Nhất giáp sông Công). Trong các khu vực trũng của khu quy hoạch, cốt san nền thấp nhất là +15.80.

+ Cao độ cao nhất: + 21.61 (trên tuyến đường Thăng Lợi).

b. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Nguyên tắc thiết kế: Thoát nước tự chảy.

- Lưu vực, hướng dốc: Toàn khu quy hoạch được chia ra làm 2 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc đường trục Đông Tây (qua UBND thị xã). Nước mưa, nước mặt được thu vào các tuyến cống nhánh rồi đổ dồn tập trung vào tuyến cống chính đổ về phía mương hiện trạng cải tạo chính trang nằm phía Tây Bắc khu vực nghiên cứu quy hoạch rồi đổ ra sông Công.

+ Lưu vực 2: Khu vực phía Nam đường trục Đông Tây. Nước mưa, nước mặt được thu vào các tuyến cống nhánh sau đó một phần được đổ vào mương hiện trạng được cải tạo chính trang (phía Nam khu quy hoạch), một phần được đổ vào tuyến cống chính chạy dọc theo tuyến đường Thống Nhất trước khi đổ ra sông Công.

- Hệ thống, mạng lưới: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Sử dụng cống tròn BTCT kích thước D600 - D1250. Đối với khu vực hạ ngầm mương thoát từ phường Mỏ Chè sử dụng cống hộp BTCT 1500x1500. Các khu vực thuộc dự án sử dụng cống theo thiết kế riêng đảm bảo đầu nổi thuận tiện với mạng thoát nước chung thiết kế của khu vực quy hoạch.

6.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu dùng nước: 2.583m³/ngđ.

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước từ Nhà máy nước Sông Công với công suất 20.000m³/ngđ.

- Phương án cấp nước:

+ Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế theo sơ đồ mạng vòng kết hợp với mạng cụt, đi ngầm trong hào kỹ thuật chạy dọc theo các trục đường giao thông chính của khu quy hoạch và các tuyến đường nhánh phân phối nước sạch tới các hộ tiêu thụ nước.

+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt dùng loại ống nhựa UPVC D200, D150, D110; HDPE D110 bố trí 2 bên vỉa hè với độ sâu tối thiểu = 0,7m tính từ đỉnh ống.

+ Điểm mở mạng lấy từ các đường ống cấp nước chạy dọc trục đường Thăng Lợi và đường CMT8, tại các điểm mở mạng có hố van.

+ Trụ nước cứu hỏa: Đặt tại ngã 3, ngã tư đường và dọc các tuyến đường giao thông trong khu vực nghiên cứu quy hoạch. Các trụ cứu hỏa được đặt trên vỉa hè cách mép bó vỉa một khoảng L= 2,5m, khoảng cách giữa các trụ cách nhau một khoảng trung bình là 150m.

6.4. Quy hoạch cấp điện, thông tin liên lạc:

a. Cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng:

- Tổng công suất: 5.253 KVA.
- Nguồn điện: Nguồn cấp điện chính sử dụng nguồn sử dụng nguồn cấp điện từ Trạm biến áp 110/22kV Gò Đầm Sông Công.
- Phương án cấp điện:
 - + Lưới phân phối 22KV và 35KV: Hạ ngầm lưới 22KV đi trong hào kỹ thuật trên toàn khu quy hoạch, lưới 35KV hạ ngầm đoạn theo dự án khu đô thị Kosy và nắn chỉnh tuyến phần đi nổi dọc theo các trục đường quy hoạch.
 - + Lưới 0,4KV: Lưới 0,4 KV được tổ chức theo hình tia. Dự kiến sử dụng cáp ngầm bọc PVC đi trong hào kỹ thuật được cấp điện từ trạm biến áp khu vực đến từng tủ điện hạ thế đặt dọc theo đường giao thông quy hoạch. Mỗi tủ điện hạ thế cấp điện cho 8 đến 10 hộ dân. Riêng các công trình công cộng hệ thống cấp điện 0,4KV lấy điện trực tiếp từ tủ điện hạ thế trạm biến áp khu vực.
 - + Lưới chiếu sáng đường: Lưới điện chiếu sáng đường trong khu vực nghiên cứu dự kiến sử dụng cáp lõi đồng bọc PVC tiết diện từ 35mm² trở xuống đi ngầm trong hào kỹ thuật. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn Nari cao áp 250W đặt hai bên hè đường đối với những tuyến đường có mặt cắt ngang lòng đường lớn hơn 10m và đặt một bên hè đường đối với những tuyến đường mặt cắt ngang lòng đường nhỏ hơn 10m. Khoảng cách đèn trung bình là 40m.
 - + Trạm biến áp: Dự kiến xây dựng các trạm biến áp với các gam máy chọn 250KVA, 320KVA, 400KVA... cấp điện sinh hoạt cho các khu dân cư. Đối với các công trình công cộng lớn có thể dùng các gam máy lớn hơn tùy theo nhu cầu sử dụng. Các trạm biến áp xây mới dùng loại trạm kios kiểu kín.

b. Thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp tín hiệu thông tin liên lạc cho khu vực quy hoạch được lấy từ Bưu điện thị xã Sông Công.
- Hệ thống đường dây thông tin đi ngầm trong hào kỹ thuật, các tủ cáp bố trí dọc các tuyến đường quy hoạch.

6.5. Quy hoạch thoát nước thải, nghĩa trang và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải: 2.066m³/ngđ
- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được thiết kế theo giải pháp thoát nước riêng với hệ thống thoát nước mưa.
- Mạng lưới thoát nước:
 - + Đường cống thoát nước đi dọc theo các trục đường, đảm bảo độ dốc, mạng lưới cống tự chảy. Trên toàn tuyến cống có bố trí hố ga, hố thu, khoảng cách các hố ga phụ thuộc vào đường kính cống.

đường kính D300- D800 và các hố ga xây gạch hoặc BTCT, độ sâu chôn cống H=0.7- 4m, khi độ sâu chôn cống đạt h= 3-4m và lưu vực địa hình thấp thì đặt bơm tăng áp bơm về trạm bơm trung chuyển (03 trạm) và đưa về các trạm xử lý của khu quy hoạch. Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định rồi xả ra mạng thoát nước chung.

- Trạm xử lý: Toàn khu quy hoạch bố trí 03 trạm xử lý nước thải bao gồm 02 trạm của dự án đầu tư xây dựng (Dự án khu Đô thị Kosy và Dự án khu dân cư đường Thống Nhất), trạm xử lý chính được quy hoạch tại vị trí phía Tây Nam của khu quy hoạch, nằm trong khuôn viên cây xanh, có công suất hoạt động giai đoạn 1 là 3.600m³/ngđ, ở giai đoạn 2 là 7.700m³/ngđ.

b. Chất thải rắn, nghĩa trang:

- Rác thải: Rác thải được tập trung tại các điểm xác định của các khu vực, dự án sau đó được thu gom, phân loại và vận chuyển về bãi rác của thị xã Sông Công.

- Nghĩa trang: Quá trình thực hiện quy hoạch cần có kế hoạch di dời từng bước các nghĩa trang, nghĩa địa trong khu quy hoạch về nghĩa trang tập trung tại phường Cải Đan, thị xã Sông Công.

IV. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. UBND thị xã Sông Công phối hợp với các cơ quan quản lý chức năng thuộc tỉnh tổ chức công bố quy hoạch phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Quản lý xây dựng trong khu vực theo quy hoạch và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị kèm theo. Tổ chức lập quy hoạch chi tiết theo quy hoạch phân khu được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên; Chủ tịch UBND thị xã Sông Công và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

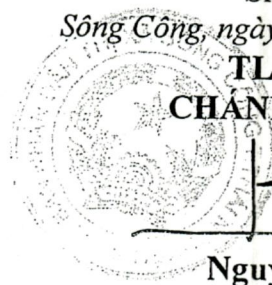
- Như điều 3;
 - UBND phường Thăng Lợi - TXSC;
 - Lãnh đạo VP: đ/c Linh;
 - Lưu: VT, QHXD, NC.Tuần,Dùng.
- huynq.04.06/15bản *hqs*



**Đặng Viết Thuận
SAO LỤC**

Sông Công, ngày 17 tháng 6 năm 2014

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Văn Kiên

UBND THỊ XÃ SÔNG CÔNG

Số: 315 /SL- UBND

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND thị xã;
- Phòng: TCKH, QLĐT, TNMT, VP thị xã;
- Lưu: VT;

